TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2025/DS-ST
Ngày: 23 – 6 – 2025
V/v: "Tranh chấp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Minh Hoàng.

Bà Trần Thị Hoài Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2025 về: "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thanh T, Sinh năm 1962 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Trương Văn S (Vắng mặt).

Bà Trần Thị H (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 01/4/2025 nguyên đơn bà Phan Thanh T trình bày: Bà có tham gia hụi do vợ chồng ông S và bà H làm chủ cụ thể như sau:

Hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 20/02/2022 âm lịch, gồm 50 chân, tháng khui 02 lần vào ngày 01 và 20 hàng tháng, cò hụi 800.000 đồng, bà tham gia 03 chân. Khui hụi đến kỳ thứ 42 thì ông S và bà H tuyên bố đình hụi. Sau khi đình hụi thì hai bên có chốt hụi ông S và bà H còn nợ số tiền 03 chân x 42 kỳ x 1.000.000 đồng = 126.000.000 đồng trừ cò 2.400.000 đồng. Vậy, ông S và bà H còn nợ nợ

123.600.000 đồng.

Hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 30/6/2020 âm lịch, gồm 56 chân, tháng khui 02 lần vào ngày 15 và 30 hàng tháng, cò hụi 1.500.000 đồng, bà tham gia 01 chân. Khui hụi đến kỳ thứ 50 thì ông S và bà H tuyên bố đình hụi. Sau khi đình hụi thì hai bên có chốt hụi ông S và bà H còn nợ số tiền 01 chân x 50 kỳ x 2.000.000 đồng = 100.000.000 đồng trừ cò 1.500.000 đồng. Vậy, ông S và bà H còn nợ nợ 98.500.000 đồng.

Hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 30/6/2020 âm lịch, gồm 57 chân, tháng khui 02 lần vào ngày 15 và 30 hàng tháng, cò hụi 800.000 đồng, bà tham gia 02 chân. Khui đến kỳ thứ 50 thì ông S và bà H tuyên bố đình hụi. Sau khi đình hụi thì hai bên có chốt hụi ông S và bà H còn nợ số tiền 02 chân x 50 kỳ x 2.000.000 đồng = 100.000.000 đồng trừ cò 1.600.000 đồng. Vậy, ông S và bà H còn nợ nợ 98.400.000 đồng.

Tổng cộng các dây hụi ông S và bà H còn nợ 320.500.000 đồng. Nay yêu cầu ông S và bà H thanh toán 320.500.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông S và bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Bà T trình bày: Vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện.
- Ông S và bà H vắng mặt không có ý kiến trình bày khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Phan Thanh T khởi kiện ông Trương Văn S và bà Trần Thị H về tranh chấp hụi nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Trương Văn S và bà Trần Thị H cư trú tại ấp C, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ông Trương Văn S và bà Trần Thị H là bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần hai để tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn cung cấp giấy chốt hụi thể hiện bị đơn nợ nguyên đơn số tiền 320.500.000 đồng có bà H xác nhận. Từ khi hai bên chốt nợ đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán khoản nào cho nguyên đơn. Nay yêu cầu bị đơn

thanh toán số tiền hụi còn nợ 320.500.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng việc chơi hụi giữa các đương sự có lập danh sách hụi viên tuy không đăng ký, không được chứng thực của cơ quan có thẩm quyền nhưng theo lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thể hiện quá trình tham gia chơi hụi nguyên đơn đã đóng đủ các kỳ hụi cho bị đơn nhưng sau đó bị đơn tuyên bố đình hụi không rõ lý do. Mặc dù, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và trong thời gian giải quyết vụ án, bị đơn không đến Toà án, không gửi văn bản ý kiến để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ, chứng minh là từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của mình bởi theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh là của đương sự. Ông S và bà H là vợ chồng nên có trách nhiệm thanh toán nợ trong thời kỳ hôn nhân. Từ đó, có cơ sở xác định việc nguyên đơn có tham gia hụi do bị đơn làm chủ và bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 320.500.000 đồng là thực tế có xảy ra. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền hụi còn nợ 320.500.000 đồng.

[3] Trường hợp bị đơn chậm thanh toán số tiền nêu trên, thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 471, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thanh T.

Buộc ông Trương Văn S và bà Trần Thị H liên đới nghĩa vụ thanh toán cho bà Phan Thanh T số tiền hụi 320.500.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trương Văn S và bà Trần Thị H liên đới chịu số tiền 16.025.000 đồng.

- Bà Phan Thanh T thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí nên không đặt ra xem xét.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Như